

D. 16

Câu 10: Số hạng tổng quát của cấp số cộng $u_1 = 1, d = 2$ là:

A. $u_n = 2n$

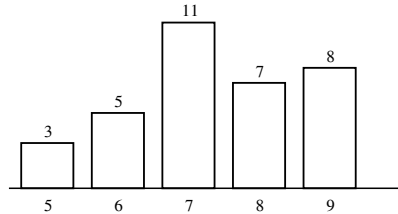
B. $u_n = 2n + 1$

C. $u_n = 2n - 1$

D. $u_n = n + 1$

Câu 11: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Số học sinh đạt điểm 8 là:

Số HS



A. 7

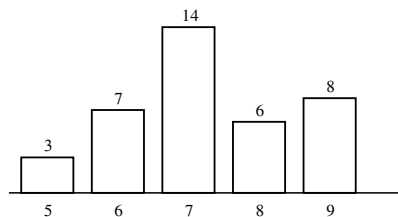
B. 10

C. 8

D. 14

Câu 12: Biểu đồ bên thống kê điểm kiểm tra của một lớp. Tổng số học sinh của lớp là:

Số HS



A. 35

B. 32

C. 38

D. 37

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho tứ diện ABCD. Gọi M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của AB, BC, CD, DA.

- a) Tứ giác MNPQ là hình thang nhưng không phải hình bình hành.
- b) Đường thẳng MN cắt mặt phẳng (ACD).
- c) Đường thẳng MQ song song với BD.
- d) Hai đường thẳng AC và BD chéo nhau.

Câu 2: Cho hàm số $y = 4\sin(x) + 4$.

- a) Giá trị lớn nhất của hàm số bằng 0.
- b) Giá trị nhỏ nhất của hàm số bằng 0.
- c) Tập giá trị của hàm số là $[-1; 1]$.
- d) Hàm số $y = \sin(x)$ tuần hoàn với chu kỳ 2π .

Câu 3: Số người dùng một ứng dụng năm đầu là 12.000 người, mỗi năm tăng đều 2% so với năm trước.

- a) Số lượng các năm tạo thành cấp số nhân với công bội 1,02.
- b) Sau 1 năm còn/đạt 12.240 người.
- c) Sau 3 năm khoảng 12.734 người.
- d) Sau 5 năm khoảng 15.749 người.

Câu 4: Điểm kiểm tra của 5 học sinh lần lượt là 9; 11; 13; 15; 17.

- a) Số trung bình bằng 13.
- b) Trung vị của mẫu bằng 11.
- c) Phương sai của mẫu bằng 8.
- d) Độ lệch chuẩn của mẫu bằng 2,83.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1: Cho cấp số nhân (un) có số hạng đầu $u_1 = 1$ và công bội $q = 2$. Tính số hạng thứ 7. Trả lời:

.....

Câu 2: Cho cấp số cộng (un) có số hạng đầu $u_1 = 1$ và công sai $d = 6$. Tính tổng 8 số hạng đầu tiên của cấp số cộng đó. Trả lời:

Câu 3: Từ một điểm cách chân cột điện 14 m trên mặt đất, nhìn đỉnh dưới góc 60° . Tính chiều cao cột điện (m, làm tròn đến hàng phần mười). Trả lời:

Câu 4: Khảo sát thời gian (phút) hoàn thành một bài kiểm tra của một nhóm, thu được mẫu số liệu ghép nhóm: nhóm [10;20) có 8 giá trị; [20;30) có 20; [30;40) có 20; [40;50) có 6. Tính số trung bình của mẫu (làm tròn đến hàng phần chục). Trả lời:

Câu 5: Một hình hộp chữ nhật có ba kích thước 6, 8, 4. Tính độ dài đường chéo (làm tròn đến hàng phần mười). Trả lời:

Câu 6: Tìm giá trị lớn nhất của hàm số $y = 4 \cdot \sin(x) + 3 \cdot \cos(x) + 5$. Trả lời:

----- HẾT -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử giữa học kỳ 1 môn Toán lớp 11 — Đề số 10

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	D	B	B	C	C	D	A	C	A	C

Phần II. Đúng / Sai

Câu	a)	b)	c)	d)
1	S	S	Đ	Đ
2	S	Đ	S	Đ
3	Đ	Đ	Đ	S
4	Đ	S	Đ	Đ

Phần III. Trả lời ngắn

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	64	176	24,2	29,4	10,8	10

* Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).